

Truyện Ngắn
Chủ đề: tình đầu
Tác giả: Hương Thủy

NGƯỜI CON GÁI DUY XUYÊN



Tôi sinh ra và lớn lên trên dải đất nghèo miền Trung. Thành ngữ dân gian gọi là nơi “chó ăn đá, gà ăn sỏi”, hiện thực hơn người ta thường nói đây là miền “nắng cháy da, mưa thúm đất”, báo chí thì dùng biệt danh “Vùng hỏa tuyến”. Trong nhạc của ca sĩ Duy Khánh –người đồng hương– có câu than thở “Quê hương em nghèo lắm ai ơi! Mùa Đông thiếu áo, hè thời thiếu ăn...” Đó chính là Quảng Trị.

Ấy thế mà nào tôi có được coi là dân thị xã. Làng của tôi thuộc 1 vùng quê nằm ngoài rìa, dọc theo Quốc lộ 1. Làng có cái tên rất hay: Long Hưng nhưng dân chúng quanh năm chúi đầu trên những thửa ruộng cằn khô, không biết lúc nào mới được là “Rồng vươn lên” như tên gọi? Làng nghèo đến mức tên người cũng ít khi thêm được cái chữ lót như một nhà văn từng nhận xét. Làng nổi tiếng vì thổ ngữ đặc biệt. Hễ chúng tôi thốt ra câu nào là đã nghe nhận xét: “A, dân Long Hưng.”

Dân Long Hưng chỉ có một niềm tự hào là giỏi Toán.

Dù nghèo nhưng hầu hết nam sinh của làng đều thi đậu vào ngôi trường trung học công lập danh giá của thị xã: Trường Nguyễn Hoàng. Các giáo sư phần đông là người Huế, hàng tuần đi xe taxi ra dạy. Họ thường khen chúng tôi về sự thông minh, đặc biệt là trong mục “Toán chạy”; đây là loại toán hầu như chỉ dành cho học sinh giỏi. Mẹ tôi thường lấy gương của một người làng là Bác sĩ Văn Tàn để răn dạy 2 anh em chúng tôi cố gắng học hành.

Mặc cảm con nhà nghèo khiến tôi ít khi trò chuyện với ai, đặc biệt với các bạn nữ trong lớp. Mỗi lần tôi nói câu gì, tụi bạn hay trêu “Cóc mở miệng”. Điều đó càng làm tôi cảm lạng hơn. Con trai 17, 18 thường đom đống. Đi học đã biết vuốt tóc láng mượt bằng nước lạnh, miệng ngậm điều thuốc Ruby Queen, viết thư tỏ tình với bạn gái. Riêng tôi “nhà quê” trong chiếc áo ngả màu cháo lòng, quần xanh bạc phếch...

Lên đệ nhị cấp, chúng tôi bắt đầu lo lắng với lệnh tổng động viên vừa ban bố. Phải cố mà thi đậu. “Rớt Tú tài anh đi trung sĩ”. Chiến tranh đã bao phủ cả quê hương. Đêm đêm nghe tiếng đại bác rền vang, máy bay quân sự bay về phía Gio Linh, Cam Lộ rợp trời, nhà nhà chuẩn bị những cái hầm trú ẩn bằng bao cát quân đội. Thỉnh thoảng đã có nhà trúng đạn pháo kích của Việt cộng, tiếng khóc than vang trời dậy đất.

Tôi may mắn đậu Tú tài 2 không phải vào Thủ Đức “thức đủ năm canh” như các bạn nam cùng lớp. Nhưng tôi “out” khi cố chen chân vào Đại học sư phạm Huế. đành phải ghi danh học MPC ở Đại Học Khoa học. Đi dạy kèm gắp bà chủ ác nghiệt, tôi lên giảng đường bữa đói bữa no. Ngày về làng xin tiền mua sách, tôi ứa nước mắt nhìn mạ lần mò chiếc kim băng mở túi áo lôi ra những đồng bạc lẻ. Sau bao đêm trằn trọc, tôi dặn dò thằng em lớp 11 cố học cho mạ yên tâm rồi quyết định thi vào khóa 28 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam vào năm 1971 theo lời khuyên của anh Hoàng Tấn, K25, người Quảng Trị. Nguyên văn lời anh: “Tất cả có chính phủ lo. Ra trường, ngoài bằng tốt nghiệp (Võ) còn có thêm bằng Cử Nhân Khoa Học Ứng Dụng (Văn). Học 4 năm với chương trình đại học lại được xem như văn võ song toàn. Đó cũng là một lựa chọn tốt cho người trai thời loạn muốn thỏa chí tang bồng...”

Cuối tháng 12 năm 1971 tôi nhập trường. Người Pháp tôn vinh Đà Lạt là Deuxième Paris; có bản nhạc ca ngợi “Ai lên xứ hoa đào”; văn chương hết lời tán dương những cô gái má đỏ môi hồng. Nhưng qua mùa Tân Khóa Sinh, khi đã khoác lên mình bộ quân phục ka-ki vàng với cầu vai alfa đỏ, được ra phố cuối tuần tôi cũng chẳng biết đi đâu ngoài mấy vòng loanh quanh ở khu Hòa Bình, hay chui vào ciné Ngọc Lan hoặc Ngọc Hiệp rồi xuống mấy chục bậc cầu thang leo xe Dodge về lại trường. Thôi, những lần sau đành ở lại phòng, làm bạn với mấy thằng cù lần, lôi Anh văn ra học vì thuộc loại “dốt” ngoại ngữ và nhận biệt danh là nhóm “Lờ quờ”. Thằng Thế Hân có biệt danh “Hân gà” vì thấy gái là mặt đỏ au và lúng túng như gà mắc tóc. Thằng Kim Long, lai Miên, gốc Trà Vinh, luôn được đại đội phó “ưu ái” cho đi gác Đài Tử Sĩ nhưng cứ cười tươi... Cả bọn không bao giờ có vinh dự được gọi tên ra hội quán Huỳnh Kim Quang gặp người thân chứ đừng nói chi đến chuyện gặp đào!

Trời không thương nhà nghèo, Quảng Trị trở thành chiến địa ác liệt vào “mùa hè đỏ lửa” năm 1972. Mạ tôi và đứa em may mắn vượt qua Đại Lộ Kinh Hoàng vào ở trại tạm cư Hòa Khánh–Đà Nẵng, hằng tháng ăn gạo trợ cấp. Thôi thế là tôi không bao giờ còn được trở về căn nhà tranh với bao nhiêu kỷ niệm buồn vui thời thơ ấu. Làng tôi, Ngã Ba Long Hưng –được nhắc nhiều lần trong cuốn Mùa Hè đỏ lửa của nhà văn quân đội Phan Nhật Nam– đã tan nát, điêu tàn! Mặc cảm chùng chát mặc cảm, tôi co mình trong vỏ ốc, tháng tháng dành dụm chút tiền lương cấp trung sĩ ít ỏi, gửi về phụ mạ nuôi em.

Tháng 11 năm 1972, khóa 27 và 28 trường Võ Bị nhận lệnh đi công tác Chiến tranh chính trị miền Trung. Tôi được phân công về Huế. Thành phố thơ mộng hiền hòa bên dòng

sông Hương như sôi động hẳn lên bởi hình ảnh hào hùng của các chàng trai cầm gập vuông góc, đi đứng oai phong. Anh chàng Ngọc cùng đại đội vỗ vai tôi:

– Gái Huế dễ thương thật! Mà có bạn nhiều giới thiệu cho tao một em.

Tôi cười méo xệch:

– Kiếm đâu ra!

Ấy thế mà tuần sau đã thấy Ngọc ngồi với 1 nàng trong quán chè Sầu, miệng mồm như tép nhảy. Thăng Thanh, tóc hớt 3 phân lộ ra mấy cái sọc to tổ bố cũng quen một em Đồng Khánh hẳn hoi. Chỉ có tôi lủi thủi ngồi cắt dán mấy cái khẩu hiệu với thằng Tập. Thằng này đã có người yêu ở Củ Chi và tự hứa tuyệt đối chung tình.

Thật sự tuổi thanh niên ai chẳng rung động trước những bóng hồng. Thời học lớp 12, tim tôi đã từng hồi hộp với 1 cô bạn cùng lớp. Em có mái tóc xõa ngang vai, hiền hòa và học giỏi. Nhưng nhà em kín cổng thâm nghiêm và tôi chưa một lần hé môi. Tôi biết em đang học ĐHSP Huế khoa Vật Vật nhưng cũng không dám tìm gặp. Liệu em còn nhớ tôi, thằng cù lần hôm nay đã mang quân phục nhưng vẫn mãi cù lần. Vậy là trong khi các bạn vi vu cuối tuần với các nàng ở chè Cồn Hén, bánh bèo Tây Thượng, cà phê Góp Gió... tôi ôm cây đàn guitar bị đứt dây ngồi nghe ngao “Sao em không đến chiều nay Thứ Bảy?” Niên trưởng Hưng, K27 tò mò nhìn tôi: “Hiệp có bình thường không?” Dù sao tôi cũng không phải rơi vào tình trạng gửi thư xin tiền nhà như mấy thằng bạn. Mạ tôi nghèo kiếm đâu ra tiền!!!

Về Trường 3 tuần, chúng tôi lại được lệnh đi tiếp đợt 2. Hiệp định Paris vừa ký kết, phải tăng cường công tác CTCT. Lần này đại đội tôi được phân công về Quảng Nam–Đà Nẵng. Mấy thằng bạn có đào ở Huế méo mặt tưởng đâu phen này được “tái nạm” em yêu. Máy bay C130 hạ cánh xuống phi trường Hòa Khánh, tôi có cơ hội vào Trại tạm cư thăm mạ, nhét cho thằng em ít tiền và mấy lời khuyên, rồi lên xe GMC vào Quảng Nam.

Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Quảng Nam là Đại tá Lê Trí Tín. Ông xuất thân từ quân trường Đà Lạt, và trước đây, ông cũng từng ở trong khối Quân sự vụ của Trường Võ Bị nên quan tâm rất chu đáo đến các khóa đàn em. Chúng tôi được cung cấp ưu tiên lương thực, thực phẩm rồi chia ra từng toán nhỏ về các Chi khu. Có toán lên tuốt luốt vùng đồi núi Thường Đức, Quế Sơn; gần gần thì Đức Dục, Điện Bàn, Đại Lộc... để bọc điều thì ở ngay thị xã Hội An. Riêng nhóm tôi về Duy Xuyên.

Duy Xuyên là 1 vùng đất cách Đà Nẵng khoảng 45km phía Tây Nam, nằm dọc theo bờ Nam con sông Thu Bồn thơ mộng, con sông đi vào thơ ca của người xứ Quảng. Tôi chưa một lần đến đây nhưng đã thuộc mấy câu thơ của Tường Linh thời trung học:

Tôi nghĩ về một dòng sông

*Dòng sông quê hương có đôi bờ đất mật
Có những tên làng tôi yêu mến nhất
Có triền xanh, gành xám, bãi vàng
Những hàng cù xe gió nước reo vang
Những thác xiết, nhọc nhằn thuyền lên ngược
Nguồn hai ngã, lòng sông chung nguồn nước
Khúc cạn khúc sâu, phía lở phía bồi
Sông Thu Bồn thương nhớ của ta ơi! –(Dòng nhớ thương chảy mãi qua hồn).*

Một quận nghèo nhưng hiền lành với những căn nhà nhỏ nép mình sau vườn khoai sắn xanh ngắt, những ruộng dâu bạt ngàn. Chúng tôi ở trong chi khu, hằng ngày phân tán thành những nhóm nhỏ làm công tác dân vận ở các xã như Xuyên Thọ, Xuyên Châu, Xuyên Hòa, Xuyên Phú... Thăng Sanh, nổi tiếng hào hoa, đi một vòng phố chợ rồi về nói với cả nhóm:

– Mấy cô nhan sắc trung bình trở lên đều là “hoa có chủ” của các anh công tác đợt 1 hết rồi, tao quay về mái nhà xưa thôi.

Nói xong hần lúi húi viết thư hẹn hò với em Thành Nội!

Nhớ lần ở Huế, nhóm tôi được thằng Tiến mời tới nhà ăn giỗ. Cả một bàn dài có đến mấy chục món nhưng món nào cũng bày chút chút trong những chiếc đĩa nhỏ xíu. Báo hại cả bọn lúc về phải ghé chợ Đông Ba mua thêm chục mì gói. Thằng Quảng dân Bến Tre cần nhân:

– Chịu không nổi kiểu cách của “Dân các Mệ”. Cả bàn, tao quơ đũa một phát là sạch bách. Ăn vậy hèn chi gái Huế cái eo nhỏ chút xíu trông thấy mà thương!

Còn đây, người xứ Quảng mộc mạc chơn chất như những món ăn của họ. Khoai lang Trà Đũa củ to bằng cái đầu con nít, vỏ trắng ruột vàng phải cắt năm xẻ bảy đem nấu, bột khoai thơm phức nghẹn tới cổ họng. Ăn món gì cũng có cái bánh tráng kèm theo, không nướng thì nhúng nước cuốn. Lần đầu tiên tôi biết món Mì Quảng, niềm tự hào của dân Quảng Nam. Cách nấu không cầu kỳ như bún bò Huế nhưng cách ăn trông thật ngon với những cây cải non, sợi mì trắng, miếng sườn heo, con tôm chiên vàng óng, mẫu bánh tráng giòn tan trong miệng, tay cầm trái ớt xanh cắn cái bụp... Có lần lãnh lương, cả bọn kéo nhau đi ăn đặc sản Bê Cầu Mống ở đầu cầu Câu Lâu thuộc quận Điện Bàn, tôi ngờ người ra khi nghe chị chủ quán nói “Chừng nướ bua rùa. Đùng bở nũa mùa mẹn!” (Chừng đó vừa rồi. Đùng bỏ nũa mà mẹn)! Dường như tôi đang nghe lại cái giọng Long Hưng quê kiểng xứ mình!

Tuổi thanh niên thấy gái như nam châm hút sắt. Qua 2 tuần lại thấy các chàng SVSQ bắt đầu có cặp khi có màn trình diễn văn nghệ với các cô giáo trường Phan Bội Châu. Anh

chàng Sanh phát hiện ra “Vẫn còn nhiều em coi ngô lăm, mà là hoa chưa có chủ mới tuyệt!”

Thật sự, con gái vùng Điện Bàn, Duy Xuyên khá dễ thương. Họ không tiểu thư như gái Huế. Đa số có một vẻ đẹp khỏe mạnh, làn da trắng mát do vùng đất này xưa kia chuyên dệt lụa nuôi tằm. Họ ăn nói mạnh bạo và khá tự nhiên trong giao tiếp nhưng với bản chất rụt rè của mình, tôi chẳng kiếm được 1 em để dung dưỡng thị xã Hội An như các bạn.

Vào một ngày Thứ Bảy, nhóm tôi đi đắp đất làm đường ở xã Xuyên Châu. Cuối tuần nên anh nào trông cũng vội vàng để về văn nghệ văn gừng với các cô giáo. Gần 3 giờ, nhóm “Lờ quờ” gồm tôi, Thế Hân, và Kim Long nhận bao giàn cho các bạn làm nốt đoạn cuối cùng. 3 thằng con nhà ruộng đồng, lại không có em nên chúng tôi nhàn nha cho đến xế chiều. Thấy một căn nhà có cái cổng vào bị lún, 3 thằng thấm nhuần công tác dân vận làm luôn. Mọi việc hoàn tất, chúng tôi vào nhà xin rửa chân tay. Người thiếu phụ, chủ nhà, khoảng trên 50, nét mặt còn vương nét một thời xuân sắc, không có vẻ mẫn mà khi giao tiếp, chỉ chúng tôi ra giếng sau vườn.

Cái giếng được bao bọc bằng những viên đá ong mang dấu ấn thời gian. Nước giếng trong vắt và mát lạnh. Một cây ngọc lan tỏa bóng mát với những búp hoa còn xanh nhỏ nhắn như ngón tay út của người thiếu nữ đẹp. Tôi đưa tay vít một nhánh thì bỗng có... trái khế cản đỡ bay vèo vào cánh tay. Ngược nhìn lên, cách đó khoảng 5 mét, một cô gái đang vắt vẻo trên cành khế cổ thụ. Tôi nghĩ thầm: “Cô này mà bắn tia thì hết sảy!” Không hiểu trời xui đất khiến thế nào mà hôm nay Cóc tôi mở miệng:

- Xin cái hoa, làm gì dữ vậy cô em?
- Nhưng nó đang xanh, hái thấy thương!
- Vậy cô em “trả công” chúng tôi cái gì đây?

Tưởng nói đùa cho vui, nhưng ai ngờ cô ta nhảy xuống và đi tới chúng tôi với một túi khế trên tay. Cô khoảng 18, 19 tuổi, mái tóc dài, làn da trắng hồng. Kim Long buột miệng: “Ui! Chu cha...”

Chưa nói được câu nào thì từ trong nhà có tiếng gọi:

- Hạnh, vào nhà ngay!
- Dạ...

Cô gái lè lưỡi, nhét vào tay tôi túi khế nặng rồi chạy biến. 3 thằng ra về với “thành quả lao động”.

Tối hôm ấy, cả nhóm được tráng miệng với những trái khế vàng thơm, ngọt thanh. Thế Hân thắc mắc:

- Sao bà mẹ coi bộ hồng có cảm tình với bọn mình? Anh chàng Thu đào hoa góp chuyện:
- Chắc bà sợ con gái rơi vào tay tụi bây, lũ gian ác!

Dù sao tôi cũng đã biết cô gái tên Hạnh và... một cái nốt ruồi lớn ngay dưới chân mày bên trái. Có lẽ, biết cũng để cho vui thế thôi. Cù lần như tôi nước gì!

Chiều Chủ Nhật, tôi từ Chi khu ra cái quán nhỏ ở góc chợ thuê mấy cuốn truyện chương của Kim Dung về đọc cho qua ngày đoạn tháng. Cô chủ tên Dung, nghe đâu cũng là “hoa có chủ” của một anh K27. Đang lúi húi tìm thứ tự mấy cuốn Thiên Long Bát Bộ, bỗng nghe một giọng nữ phát ra từ cửa quán:

- Chị Dung, tìm cho em cuốn “Áo tiêu thư” của Duyên Anh. Răng chị...

Câu nói ngắt ngang nửa chừng khi cô gái nhận ra có bóng người trai lạ đứng trong góc. Tôi nhìn ra. Đó chính là cô gái có cái nốt ruồi trên chân mày ngày qua...

Sau này, khi quen nhau, Hạnh vẫn hay nói đó là duyên kỳ ngộ. Em bảo nhà em không ai thích lính. Cũng đúng thôi, nhà thơ Hữu Loan đã viết “Lấy chồng chiến binh, mấy người đi trở lại” cơ mà. Tôi trêu:

- Ghét của nào trời trao của ấy!

Em cúi mặt buồn buồn. Hạnh là con gái duy nhất của gia đình. Tên em đơn giản là Trần thị Hạnh. Em kể ba chết từ lúc mới sinh, mẹ ở vậy nuôi em khôn lớn. Em vừa tốt nghiệp lớp cán sự y tế ngoài Đà Nẵng, về quê thăm mẹ trong lúc chờ bổ nhiệm. Tôi thờ phào. Em ra trường sớm mấy tháng, có khi lũ bạn công tác đợt 1 đã dzót mất rồi.

Tôi trở lại thăm má Hạnh mấy lần theo lời anh chàng Sanh cố vấn “attack at home” nhưng lần nào cũng gặp một nét mặt lạnh lùng. Má Hạnh tránh tiếp xúc hoặc chỉ trả lời nhát gừng những câu hỏi chân tình của tôi. Nhìn bà, tôi liên tưởng đến nhân vật nữ Anh Cô căm thù đàn ông vì bị Đoàn Nam Đế phụ tình trong cuốn Anh hùng xạ điêu của Kim Dung. Có lần tôi còn thấy mắt Hạnh hoe hoe đỏ như vừa mới khóc xong.

Chúng tôi đành biến quán cho thuê truyện của cô Dung thành nơi hò hẹn. Giai đoạn đầu chẳng biết nói chuyện chi, cứ đem mấy cuốn truyện ra mà tán về các nhân vật hoặc chuyện nắng mưa... Ấy thế mà vắng nhau 1 ngày đã thấy nhớ như nhớ... Nhưng có lẽ tình yêu làm cho người ta thông minh ra. Nghe bạn bè, một chiều Thứ Bảy tôi bạo gan rủ nàng đi chơi nhà thờ Trà Kiệu. Mượn chiếc Honda Dame của cô Dung, tôi chở Hạnh lên đường.

Nhà thờ núi Trà Kiệu nằm trên ngọn đồi Bửu Châu cao khoảng 60 mét thuộc xã Xuyên Kiệu. Đó là 1 ngôi nhà thờ cổ được trùng tu từ thế kỷ 19. Đứng ở tháp chuông, chúng tôi

nhìn xuống và ngợp trong màu xanh biêng biếc của cây lá dọc theo hai bờ của dòng sông Thu Bồn thơ mộng. Hàng me tây cổ thụ che rợp mát khu vực nhà thờ và gần đó là 1 ngôi trường tiểu học do các nữ tu đảm trách. Những chiếc áo choàng đen trong bóng chiều tạo nên một vẻ đẹp nao lòng. Hạnh cúi đầu kính cẩn khi đi qua những bức tượng tái hiện 14 chặng đường Thánh giá của Chúa Giê-su. Nàng chỉ cái giếng nước mà người xứ đạo phong là giếng nước Thánh. Ai chân tình cầu nguyện khi uống sẽ toại nguyện với ước vọng của mình. Hai đứa cùng ngậm ngậm nước mát. Hạnh nhắm hai mắt lại giây lâu. Tôi hỏi em cầu nguyện điều chi? Em thầm thì: “Bí mật!”

Chúng tôi ngồi nghỉ mệt bên một triền bấp ven sông. Hạnh nói với tôi cách đây khoảng 25km là Thánh địa Mỹ Sơn, Vương quốc của triều đại Champa cũ. Tiếc rằng chúng tôi không đến được vì lý do mất an ninh. Ánh nắng chiều trải trên dòng sông Thu, gió mơn man như quạt hờ. Dòm kỹ cái nốt ruồi của em coi thật ngộ. Nó hồng hồng và nổi như một hạt đậu cuối chân mày. Em đỏ mặt xấu hổ khi thấy tôi cứ dòm chăm chăm vô mặt. Tôi kể cho em nghe về làng quê của mình, về tuổi nhỏ chăn trâu cắt cỏ, về góc vườn mỗi khi giận mẹ thường ra ngồi gục mặt rồi ngủ thiếp lúc nào không hay... Hạnh chủ động cầm tay tôi bóp chặt. Tôi nghe rõ hơi thở dồn dập của em. Và thằng con trai 22 tuổi lần đầu tiên biết thế nào là câu hát của Phạm Duy phổ thơ Nguyễn Tất Nhiên:

“Uống ly chanh đường,
uống môi em ngọt...”

Chúng tôi đã... thật sự yêu nhau từ giây phút đó. Có Hạnh tôi bớt cù lần hơn. Nhóm “Lờ quờ” mất cái đầu tàu. 2 thằng bạn bắt tôi bao một chầu Mì Quảng ở Ngã ba Nam Phước trước khi từ giã nhóm. Chuyện nhỏ đối với một gã trẻ tuổi đang say hương vị tình yêu!

Chúng tôi đã có những ngày thật thú vị. Hạnh đưa tôi đi Hội An thăm lại ngôi trường Trần Quý Cáp thời nàng học trung học. 2 đứa lên Chùa Cầu nhìn tượng con chó và con khỉ, lang thang trên con đường nhỏ dọc sông Hoài ngắm những ngôi nhà lợp ngói âm dương. Tôi biết thêm món ăn độc đáo xứ Hội như cao lầu, bánh tráng đập Cẩm Nam, chén chè “chí mà phù” của ông Tàu già trên phố Nguyễn Thái Học. Có một điều làm tôi cảm động, dù hơi ngượng, là thỉnh thoảng khi trả tiền, cô chủ quán bảo “cô bạn anh trả trước rồi”.

Mỗi lần như thế, Hạnh bảo:

– Để mặc em, cho nó vui.

Nhưng có lẽ Hạnh thích nhất là khi tôi tặng nàng tập thơ “Thuở làm thơ yêu em” của Trần Dạ Từ. Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ cái màu cà phê sữa của cuốn sách. Những câu thơ tài hoa như dành riêng cho chúng tôi trong bài thơ Nụ hôn đầu:

*“Lần đầu ta ghé môi hôn
Những con ve nhỏ hết hồn kêu vang
Vườn xanh, cỏ biếc, trưa vàng
Nghìn cây phượng vĩ huy hoàng trở bông...”*

Tôi ghi dòng chữ trên đầu trang: “Đề em đọc khi nhớ anh”. Hạnh bảo:

– Đây sẽ là cuốn sách gối đầu giường của em. Mỗi mỗi.

Khi yêu Hạnh, thật sự tôi đã nghĩ đến một mái ấm gia đình. Lãng nhãng không phải là bản chất của thằng tôi cù lần. Chúng tôi còn hơn 2 năm để nuôi dưỡng tình yêu. Nhưng thật khó khăn khi tiếp cận với má nàng để bà hiểu tôi là người tử tế.

Suy nghĩ lâu lắm, Hạnh cắn môi bảo tôi:

– Thứ Bảy này mình lên nhờ bà Ngoại. Ngoại thương em lắm. Mà anh mặc đồ civil nhen.

Bà ngoại Hạnh ở Gò Nổi thuộc quận Điện Bàn. Bà trên 70 nhưng còn khỏe mạnh, giọng nói sang sảng. Trên bàn thờ có hình một ông mặc phẩm phục triều đình trông rất quắc thước. Hạnh bảo tôi đó là ông Cố, một trong Ngũ phụng tề phi của xứ Quảng Nam, niềm hãnh diện của dòng họ ngoại.

Bà đón tiếp cô cháu gái thật vô vậ:

– Cha mày. Mấy lâu đi mô mắt mặt không thấy thăm bà?

Niềm vui của bà lan qua cả bạn của cháu. Bà sai đứa cháu nhỏ múc nước lấy khăn cho tôi rửa mặt, leo dừa hái trái “hai đứa” uống, ra vườn thử xem có trái mít nào trở tiếng thì chặt xuống cho “tụi nó” ăn... Đúng là 1 bà ngoại xứ Quảng nồng hậu mà chơn chất.

Bữa cơm trưa thật ngon miệng với thịt luộc chấm mắm cá, rau cải nấu canh cá rô thêm chút gừng. Tôi nằm trên bộ ngựa bằng gỗ thiu thiu ngủ, hai bà cháu rì rầm to nhỏ ở phòng trong.

Chúng tôi ra về khi chiều đã nhạt nắng. Cái nhìn của bà cụ đối với tôi chăm chú hơn nhưng không còn vẻ ồn ào như ban sáng. Hạnh phụng phịu hờn dỗi và không chịu mang trái mít về làm quà như dự định. Trên đường nàng im lặng nép sát người vào lưng tôi. Một linh cảm bất an trong lòng. Gia đình nàng chê tôi điếm nào???

10 ngày liền tôi không gặp được Hạnh. Nhờ vả cô Dung 2 lần nhưng không ăn thua, má nàng giữ rịt trong nhà. Lại nghe bạn bè xôn xao đợt công tác có thể sắp kết thúc nhường cho K29, lòng tôi như lửa đốt. Có đêm tôi liều mạng mượn chiếc Honda phóng về Xuyên Châu. Ngang nhà nàng cửa đóng kín mít, ánh đèn nhỏ hắt ra leo lét. Kim Long ngăn tôi:

– Coi chừng có bữa anh Hai ăn súng của bọn du kích. Xứ này coi thể nhưng không hiền đâu!

Chiều thứ ba, đang ngồi đánh domino với đồng đội thì anh chàng Thu đi về bảo tôi:

– Tao thấy má vợ của mày ngồi xe ôm đi đâu về hướng Điện Bàn.

Cơ hội trời cho, tôi vát mấy con bài cho Kim Long rồi vẫy xe đi Xuyên Châu.

Nhà vắng ngắt nhưng cửa vẫn mở. Tiếng nước xối trong phòng tắm dưới nhà ngang. Để cho Hạnh khỏi ngưng ngừng, tôi không lên tiếng. Tôi nhìn kỹ mấy bức hình trên vách. Hình bà má hồi còn trẻ bế Hạnh trong lòng; hình Hạnh ôm con búp bê thời nhỏ; hình nàng trong chiếc áo blouse trắng đang thực tập ở bệnh viện, cái nốt ruồi có món tóc mai che ngang... Phía bên kia là chiếc giường nhỏ có cái áo gối màu hồng thêu những bông hoa li ti, trên gối còn vương vài sợi tóc dài. Chắc Hạnh vừa nằm ngủ trưa xong. Tôi ngồi xuống cạnh giường, tự dưng có cái ý nghĩ thật lãng mạn là nhặt một vài sợi tóc của nàng làm của riêng. Dưới gối cộm cộm một cuốn sách. Tôi lật lên. Đúng là tập thơ của Trần Dạ Từ. Tôi nhớ câu nói của Hạnh hôm nào: “Đây sẽ là cuốn sách gối đầu giường của em”, lòng xao xuyên một thứ tình cảm ngọt dịu.

Tôi lật vài trang sách, một tờ giấy nhỏ gấp tư kẹp ngay bài thơ “Mối tình đầu”. Quả thực là tôi không nghi ngờ gì về tình cảm của Hạnh nhưng tôi vẫn tò mò giở ra. Nét chữ cứng cáp, chân phương có mấy dòng:

“Hạnh, ba đã nghe bà ngoại nói chuyện. Con hãy chấm dứt ngay mối quan hệ không lành mạnh đó. Có cơ hội chúng ta sẽ trao đổi thêm. Trước mắt, chuẩn bị cho ba ít thuốc kháng sinh. Sẽ có giao liên về lấy trong tuần tới.”

Tôi choáng người. Ba Hạnh chưa chết như nàng đã nói với tôi? Thứ ngôn ngữ này rõ ràng là loại ngôn ngữ của phía “bên kia”. Có lẽ nào ba nàng là cán bộ cộng sản hoạt động nằm vùng? Có tiếng động dưới nhà ngang. Tôi đặt cuốn sách dưới gối trở lại ngồi ở bàn giữa, cố gắng giữ nét mặt thật bình tĩnh.

Hạnh xuất hiện trong bộ đồ hoa màu tím nhạt. Em mừng rỡ “a” lên một tiếng rồi sà xuống bên cạnh tôi, thì thào “Em nhớ anh quá!” Mùi hương chanh và mùi tươi mát của da thịt con gái nồng nàn bốc lên nhưng quả thật tôi không còn lòng dạ nào để rung động. Tôi đẩy nhẹ người Hạnh ra. Nàng hơi khựng lại rồi hỏi tôi:

– Anh đến lâu chưa? Sao anh biết má vắng nhà?

Tôi trả lời:

– Do tình cờ vậy thôi.

Những cảm xúc trong tôi đã bị dội 1 thùng nước lạnh. Đầu tôi rộn lên nhiều câu hỏi khó trả lời. Hạnh không giấu sự vồ vập và hé môi chờ đợi một nụ hôn say đắm nhưng tôi chỉ chạm phớt vào môi. Nụ hôn lần này sao nghe vị đắng chát. Tôi có cảm tưởng bị lừa dối, thậm chí hơi sợ hãi. Có lý nào cô ấy đang giăng bẫy tôi, 1 chàng Sinh viên Võ Bị, 1 Sĩ Quan Quân lực VNCH tương lai?

Người hàng xóm qua chơi kéo tôi thoát khỏi sự khó xử. Lấy cớ phải về họp gấp, tôi từ giã Hạnh trong nét mặt phụng phịu của nàng. Tôi đang cần thời gian để suy nghĩ... Đêm hôm ấy tôi trần trọc mãi. Gối Capstan gần hết dù tôi không phải là thằng nghiện thuốc lá. Tôi đã hiểu ra thái độ lạnh nhạt của má và bà ngoại nàng. Tôi tự vấn xem có khi nào Hạnh hỏi mình về lĩnh vực quân sự chưa? Có khi nào mình sơ suất tiết lộ điều gì chẳng. Rõ ràng tôi yêu Hạnh nhưng phương châm của trường Mẹ đã khắc sâu “Tổ Quốc–Danh Dự–Trách Nhiệm”. Tôi thiếp đi với điều tâm niệm thứ tám trong Mười Điều Tâm Niệm của SVSQ/TVBQGVN: “Không có gì là không thể làm được đối với SVSQ”.

Tuần sau đó tôi nằm mẹp trong Chi khu. Hai lần có lời nhắn của cô Dung ra quán sách nhưng một lần tôi cáo ốm và một lần kêu bận công tác. Tôi không đủ can đảm để gặp Hạnh. Tôi sợ mình sẽ bị lung lay bởi đôi mắt ướt và cái nốt ruồi như hạt đậu đỏ cuối chân mày.

Rồi cũng đến ngày từ giã Duy Xuyên. Hạnh gửi qua Kim Long cho tôi một túi nhỏ gồm những mứt bánh thổ sản, 6 chiếc mouchoir có hai chữ H lồng nhau và lá thư chỉ có một dòng “Em yêu anh mãi mãi”. Tôi nhếch môi cười cay đắng, đem mớ quà cho bạn bè liên hoan, 6 cái khăn tay tôi để lại trên cái ghế bố ngủ đêm ở Chi khu và xé bức thư thành những mảnh nhỏ.

Ngày leo lên chiếc GMC ra phi trường quân sự Đà Nẵng, đưa mắt nhìn quanh, tôi nhận ra Hạnh đứng nép sau một cây phượng lớn. Em nhìn tôi, môi mấp máy điều gì không rõ. Thôi đành. Vĩnh biệt mối tình đầu oái oăm!

Về lại trường, chúng tôi chúm mũi vào học Văn hóa bù lại cho chuỗi ngày công tác. Sự bận rộn làm tôi không nghĩ ngợi nhưng khi đêm về tôi luôn nhớ đến Hạnh và những cái hôn mềm môi ướt rượt. Tôi nhận gác thay cho đồng đội ở Tiền đồn hoặc Đài Tử Sĩ mà không chút phân vân. Quên, quên và phải quên... Nhưng bất ngờ thay, tôi trở thành người nổi tiếng của Đại đội vì những lá thư dồn dập bay về. Nét chữ màu tím mảnh mai của

Hạnh! 1 tuần tôi nhận đúng 7 lá! Một tháng đủ 30 chiếc phong bì! Tay đàn em K30 mỗi lần nhét thư vào phong bì cố gắng nghiêm trang nhưng không giấu nổi nụ cười tủm tỉm. Tôi không mở bất kỳ lá thư nào. Tôi kiếm 1 cái túi nylon và gom nó lại. Rồi cô ấy cũng sẽ hết kiên nhẫn.

Tháng sau, tôi có 1 lá thư với nét chữ lạ. Tôi mở phong bì. Dòng chữ ngắn của cô Dung: “Sao anh Hiệp không viết thư cho Hạnh?” Tôi bỏ chung vào gói thư, không trả lời. Thời gian qua...

Đã gần cuối năm thứ 3. Tôi vẫn là một anh trai tân. Thật đáng thương hại khi trong đêm trao nhẫn truyền thống, tôi cầm lấy chiếc nhẫn tự lồng vào ngón tay mình. Tôi tiếp tục làm trưởng nhóm “Lờ quờ”, không quan tâm đến sự moi mai của bạn bè với các em gái Bùi Thị Xuân hoặc với những cô sinh viên Đại Học Chính Trị Kinh Doanh Đà Lạt danh giá.

Một chiều thứ Bảy, có tiếng của Sinh viên trực nhật trên loa phóng thanh gọi tôi ra hội quán Huỳnh Kim Quang gặp người thân. Không thể là mẹ tôi, người suốt đời chưa bao giờ nghĩ mình được ngồi máy bay, dù chỉ một lần. Không thể là em tôi đang chúi đầu trên giảng đường Đại học ở xứ Huế xa xôi. Chỉ có thể là Hạnh? Lúc này tôi đã chuyển đại đội. Tôi chạy tìm Kim Long hiền lành cộng thêm anh chàng Thu hào hoa nhiều chiêu trốn gái ra hội quán tìm hiểu và cứu giúp. Lòng tôi như đánh lô tô. 30 phút sau, Thu trở lại cười rộng miệng:

– Xong rồi. Tao bảo mày đã hỏi vợ ở quê!

Kim Long đi sau mặt buồn xo bảo tôi:

– Anh Hai ác quá. Em khóc nhiều lắm. Tội quá trời luôn!

Đêm hôm ấy, tôi đốt hết tập thư của Hạnh. Trong mắt bạn bè cùng đi công tác Duy Xuyên, nhất là Thành Sang, Sinh viên Sĩ Quan phụ trách câu lạc bộ Huỳnh Kim Quang, tôi là thằng Don Juan. Sang bảo:

– Thấy con nhỏ thất thểu ra về, tao muốn đâm vào mặt mày một cái.

Cũng đành!

Tôi sẽ không nói nhiều về thời gian hơn 2 năm đi tù, thân phận không bằng một con vật. Mạ tôi đã hỏi cư cát túp lều trên nền đất cũ Long Hưng, em trai tôi bỏ học cầm cái bay đi làm thợ hồ. Tôi thành “con bà Phước” sống nhờ vào các niên trưởng và các chiến hữu có thân nhân thăm nuôi. Ngày cầm giấy ra trại, niên trưởng Huỳnh công Kinh, K25 còn phải

cho tôi tiền mua vé tàu. Về làng xưa vào ngày cuối năm lúc trời đã chạng vạng, mẹ ôm chầm lấy tôi rồi nghẹn ngào bảo:

– Vào Nam đi con. Không sống nổi ở đất ni mô. Thay đổi hết rồi. Sâu bọ lên làm người rồi!

Tôi ở được với mẹ một đêm, cầm trong tay cái địa chỉ của người làng tận Sài Gòn, ăn hai bữa cơm trộn bắp rồi lại ra đi... Trên chuyến xe Bắc Nam ọp ọp, tôi đi qua vùng đất Quảng Nam đầy ắp kỷ niệm xưa... Hòa Khánh, Hòa Cầm, Cẩm Lệ, Vĩnh Điện, Duy Xuyên... Chắc bây giờ Hạnh đang ở trên đà danh vọng, có khi làm bà Cán Bộ cũng nên. Tôi cũng chẳng ân hận gì. Tôi với nàng rõ ràng là 2 đường thẳng song song. Tôi cũng chẳng muốn nhắc lại tháng ngày ngược xuôi kiếm sống trên đất Sài Gòn. Người làng cũ đã bán nhà đi kinh tế mới. Tôi nằm vợ vất ở bến xe Miền Đông 3 đêm rồi may mắn gặp lại Ngọc, thẳng bạn cùng đại đội. Hấn giúp tôi gặp nhóm bạn cũ đang thay nhau đập xích lô từng ngày; có khi lại mang vác hàng cho mấy bà bán phụ tùng xe đạp ở chợ Trời; có khi lang thang không biết đêm nay mình sẽ ăn đâu, ngủ đâu. Đúng như câu thơ của Lý Bạch “Xử thế nhược đại mộng!” Cuộc đời quả là một giấc mộng lớn. Mới ngày nào chúng tôi còn là những chàng trai hào hoa ấp ủ nhiều hoài bão. Tôi nghe tin anh Hoàng Tấn đã bị bắn chết vì phản kháng ở Đơn Dương–Đà Lạt. Bạn bè cũ có thẳng vượt biên thoát, thẳng mất tích, thẳng còn ở trong các trại giam, thẳng vào rừng tìm lực lượng kháng chiến...

Rồi cuộc đời đưa đẩy tôi lưu lạc qua đất Campuchia bằng xe đò ở Tân Châu–Hồng Ngự. Tôi làm nghề cắt tóc dạo ở Phnompenh, bỏ mỗi thuốc cho một ông Trùm buôn lậu thuốc Tây của Xí nghiệp Quốc doanh Việt Nam kiếm cơm hàng ngày, thậm chí có khi còn làm y tá chích thuốc dạo cho bệnh nhân. Ổn trời, chưa nghe ai chết! Tôi giao tiếp với người Cam ở các chợ Schabarbauu, chợ Chác Nghệ... Đôi khi thất chí, muốn lấy đại một cô Miên quần xà rồng, có mấy cái răng vàng 24 karat sáng chói chuyên ăn mắm bò hóc cho xong đời!

Tình cờ tôi quen anh Tài, một Việt Kiều Miên về nước năm 1972 lúc người Việt bị cấp duồn. Anh lên lại Nam Vang làm ăn và có ý định vượt biên qua Thái Lan. Anh cần một tay sử dụng súng sẵn sàng bắn vào Công an hoặc hải tặc. “Một liều ba bảy cũng liều”, tôi nhận công việc này. Chúng tôi lên Komongsom mua 1 chiếc ghe cũ bề ngang 2m dài 7m được tân trang, sửa lại lốc máy và khởi hành vào một đêm tháng 8 từ Vịnh Tân Hao. Trên ghe có 6 người lớn và 2 con nít. Ghe không dám đi gần bờ vì sợ lính biên phòng của Miên. May mắn thay, gần tới KoKong thì trời đổ mưa lớn che khuất tầm nhìn của các trạm gác. Lênh đênh trên biển 4 ngày chúng tôi gặp những chiếc tàu treo cờ Thái và ghe đi đúng hướng cập vào tận một hải cảng. Tôi chưa phải sử dụng cây M16! Lúc quyết định theo anh Tài tôi có ý nghĩ nếu chuyến đi không thành công thì biển sẽ là mồ chôn cuộc đời đã tận đáy xã hội của mình. Tôi chẳng còn sợ gì cái chết. Tôi cũng dự định nếu đến được Thái Lan thì sẽ ngửa mặt lên trời cười 3 tiếng bù lại hơn 10 năm tù nhục sau ngày

Miền Nam sụp đổ. Nhưng tôi không làm được điều này vì chỉ kịp xách cái bao đi theo người lính Thái về trại tạm trú Leam Ngập.

Sau 3 tuần ăn, ngủ, nghỉ, chúng tôi chuyển lên trại chính là Panat Nikhom. Nghe nói chỉ 2 tháng sau, trại tạm cư đóng cửa không còn chấp nhận người tị nạn Việt Nam. Và ở đây, tôi đã quen Minh Hạnh, vợ của tôi bây giờ.

Qua bao nhiêu gian khổ, tôi không còn giữ được bất cứ một thứ giấy tờ nào. Tôi chỉ còn nhớ số quân của mình. Nhưng may mắn thay, khi được Cao ủy Liên Hiệp Quốc phỏng vấn, tôi gặp Thiếu tá niên trưởng Tôn Thất Diên K10, Trưởng khoa Anh Văn của Trường Võ Bị, đang làm phiên dịch cho phái đoàn. Thầy đã tận tình giúp đỡ tôi. Chao ôi là ân tình của trường Mẹ! Tôi được nhập cư vào đất Mỹ. Trong tháng ngày chờ đợi và học nghề ở Phi Luật Tân, bạn bè K28 cũng đã yểm trợ cho tôi 1 ít tài chánh trong tình nghĩa đồng môn, bạn bè cùng khóa.

Như bao người đến Mỹ muộn màng, nên vợ chồng phải hùng hục kiếm sống. Một người ôm 2, 3 jobs và thay đổi công việc liên tục từ hầu bàn, rửa bát, làm vườn, dọn tuyết, sơn nhà, giữ trẻ... đêm về còn phải đi học ESL. Bên nhà báo tin mạ mạt, tôi cũng chẳng thể trở về. Thôi thì buổi chiều ly biệt cuối năm đó, tôi cũng đã nhủ thầm “Lạy mẹ, con đi”...

Tôi cũng không hiểu sao vợ tôi lại có cái tên trùng với Hạnh Duy Xuyên? Lại sinh cùng năm ký hiệp định Geneve 1954. Minh Hạnh người Vĩnh Long và hiền lành như cây trái miệt vườn sông Hậu. Cô ấy chưa bao giờ hỏi tôi về quá khứ và cũng không biết gì về Trường VBQGVN với những chàng trai quân phục đạo phở worsted, Jaspe, cầu vai alfa đỏ... Chúng tôi từng bước ổn định cuộc sống với 2 con gái chăm ngoan.

Sau những nhọc nhằn, giờ đây tôi đã có những phút giây thư giãn. Tôi bắt đầu liên lạc, thư qua tin lại với bạn bè xưa. K28 có đâu khoảng 50 người trên đất Mỹ. Bạn bè hầu hết đã quá 60, lâu lâu lại nghe tin buồn một thằng về “Vùng V”. Ôi! Đòi người như bóng câu qua cửa sổ.

Năm ngoái, tôi về Houston, Texas tham dự Đại hội Võ Bị lần thứ 19. Thật cảm động khi gặp lại những gương mặt “gian ác” thuở nào. Chúng tôi hò hét, cười đùa y như những chàng trai mới lớn. Nhắc lại kỷ niệm xưa có thằng rơm rớm nước mắt dù tóc trên đầu đã ngã màu bạc trắng.

Hôm đến nhà hàng Kim Sơn dự dạ tiệc, ngang qua một số chị em Hội Phụ nữ Lâm Viên, tôi chợt nghe tiếng gọi:

– Anh Hiệp... Có phải anh Hiệp không???

Tôi dừng chân. Trước mặt tôi là một người đàn bà còn vẻ duyên dáng trong chiếc áo dài xanh truyền thống... Nhưng tôi không thể nào nhớ nổi đó là ai.

Người đàn bà mỉm cười:

– Trông anh không thay đổi mấy. Em nhận ra ngay. Dung Duy Xuyên đây! Anh còn nhớ không?

– Ô! Cô Dung Duy Xuyên! Người góp phần mai mối cho mối tình đầu của tôi ở Quảng Nam.

Chúng tôi mừng rỡ. “Tha hương ngộ cố tri”, hạnh phúc nào bằng! Chúng tôi bồi hồi nhắc lại chuyện hơn 40 năm về trước, thời tôi là một anh SVSQ cù lần và Dung với cái quán cho thuê sách ở góc chợ... Dung đã lấy vị Niên trưởng K27 khi anh đi “tù cải tạo” về và hai vợ chồng qua Mỹ theo diện HO năm 1992.

Dung chợt nghiêm mặt hỏi tôi:

– Anh có nhớ gì về Hạnh không?

Tôi cười cười:

– Sao? Cô ấy làm bà Bí thư Tỉnh ủy chưa? Có bao nhiêu biệt thự rồi?

– Anh không biết thật sao? Đàn ông các anh thật vô tâm... Nó tội lắm.

Dung kể cho tôi nghe. Quả thực như tôi nghĩ, ba Hạnh không chết như trong lý lịch đã khai. Ông tập kết ra Bắc khi Hạnh còn nằm trong bụng mẹ và trở về Nam từ những năm 70. Ông móc nối với gia đình để được tiếp tế và hoạt động trên đất Quảng Nam. Đó cũng chính là lý do mà cả bà ngoại và má Hạnh ngăn cản không cho Hạnh giao tiếp với tôi, một người lính VNCH. Sau ngày tôi trở về trường không lời từ giã, Hạnh đau khổ lắm. Không nhận được thư hồi âm, cô trốn nhà lặn lội vào Đà Lạt. Trước thái độ cự tuyệt lạnh lùng và dứt khoát của tôi, cô về sống lầm lũi ở Xuyên Phước, phụ trách phòng Hộ sinh Xã.

Ngày miền Nam mất, ba Hạnh công khai xuất hiện với cương vị một “cán bộ Cách Mạng” cao cấp trong sự mừng rỡ của người mẹ chờ đợi đằng đẵng 20 năm ròng. Nhưng ngày vui ngắn ngủi chẳng được bao lâu. Sự thủy chung của bà đã bị trả giá khá phũ phàng. Chỉ 4 tháng sau, một người đàn bà miền Bắc xuất hiện với những đứa con sau lưng. Ba Hạnh lúng túng giải thích, nhưng mọi chuyện đã quá rõ ràng. Má Hạnh không có con trai. Căn nhà từ đường có cây ngọc lan, có cái giếng đá ong đành để lại cho gia đình mới. Hai mẹ con trở về Điện Bàn sống với bà Ngoại trong ngôi nhà tôi đã một lần đến thăm.

Hạnh từ chối đặc quyền đặc lợi dành cho “con em chính sách” đi học Bác sĩ ở Hà Nội. Mẹ Hạnh suy sụp hẳn đi và mất sau một cơn đột quỵ. Trước khi mất, bà cầm tay Hạnh ứa nước mắt như một lời xin lỗi muộn màng. Mãn tang mẹ, Hạnh quyết định đi tu Thiên Chúa giáo dòng Phước Môn. Và hiện giờ nàng đang là một nữ tu phụ trách trường trẻ em mồ côi gần Nhà thờ Núi Trà Kiệu!

Tôi ngòi lặng. Trong đầu tôi dần hiện ra hình ảnh cô gái có khuôn mặt trắng mát, cái nốt ruồi như hạt đậu đỏ cuối chân mày, 1 buổi chiều tháng 3, ngôi nhà thờ cổ, ngum nước giếng mát lạnh và... nụ hôn đầu. “Lần đầu ta ghé môi hôn. Những con ve nhỏ hét hồn kêu vang...”

Tôi biết mình sẽ có nhiều đêm mất ngủ. Hạnh ơi!....

Hương Thủy

nguồn: [blog người phương nam](#)



Nguồn: Internet eMail by **kb** chuyển

Đăng ngày Thứ Hai, October 21, 2024
tkd Khóa 10A—72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH